

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 1 đến 7/11/2024)

1.1. Khu vực Miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, riêng Lào Cai, Hà Giang và Lạng Sơn lượng mưa phổ biến 10-20mm, có nơi trên 40mm như Hữu Lũng (Lạng Sơn) 42.9mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tuần trước, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 7%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 27%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi trên 80mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 49%, sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 43%.

1.2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, riêng khu vực đồng bằng và ven biển lượng mưa phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm như Hưng Yên 36mm, Phủ Lý (Hà Nam) 35.8mm, Ninh Bình 32mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy thấp hơn 7% so với TBNN. + Trong tuần qua mực nước các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn 7% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 60%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 7%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-80mm, riêng khu vực đồng bằng 70-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy thấp hơn 42 so với TBNN.

+ Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ giảm nhẹ so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy sẽ cao hơn TBNN cùng kỳ là 10%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ là 24%.

+ Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 8%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và Nghệ An phổ biến 20-40mm, riêng Hà Tĩnh 100-250mm, có nơi trên 500mm như Hoàn Sơn 605.8mm, Kỳ Anh 592.8mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 35%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 48%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 15%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và Bắc Nghệ An phổ biến 50-100mm, riêng khu vực từ Nam Nghệ An đến Hà Tĩnh 200-400mm, có nơi trên 500mm

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên các sông ở Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 24%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 59%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 94%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 29%.

1.4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-400mm, có nơi trên 500mm như Đồng Hới

(Quảng Bình) 728.3mm, Đông Hà (Quảng Trị) 692mm, Huế 581mm, Nam Đông (Huế) 867mm,....

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, một đợt lũ xảy ra trên các sông ở Quảng Bình đến Quảng Nam, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Nam cao hơn so với tuần trước, dòng chảy trên các sông Quảng Ngãi tương đương tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 77%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 32% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn 56% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 300-500mm, có nơi trên 600mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%, sông Thu Bồn (Quảng Nam), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn TBNN 37 - 40%.

1.5.Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-70mm, có nơi trên 80mm như: Hoài Nhơn (Bình Định) 82mm, Cam Ranh (Khánh Hòa) 88.1mm,

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn 78%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 88%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 22%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 16%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 63%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-250mm, riêng Bình Định-Phú Yên có nơi trên 300mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn so với TBNN <86% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn >3% so với TBNN.

1.6.Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-90mm, có nơi trên 170mm như Kon Tum 178,6mm, Pleiku (Gia lai) 171,8mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, các sông ở bắc Tây Nguyên, sông Krông Ana có dao động với biên độ từ 0,85-2,67m; sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ tại trạm Thanh Bình ở mức BĐ2. Lưu lượng dòng chảy trên các sông Bắc Tây Nguyên và Krông Ana tăng so với tuần trước, các sông Nam Tây Nguyên lưu lượng dòng chảy giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 90%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 5%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, có nơi trên 200mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 90%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 47%.

1.7.Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm như Vũng Tàu 178.8mm, Mộc Hóa (Long An) 283mm, Rạch Giá (Kiên Giang) 155mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 60-120mm, có nơi trên 180mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 8% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức tương đương cùng kỳ TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/11/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/11

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 10 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo							Tổng	So sánh TBNN (%)
				01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11		
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	74.5	>88	5.5	0.1	0	0	2	5.2	0.3	13.1	<23
	Sơn La	58.6	>408	1.3	0	0.1	1.8	4.6	2.2	0	10	<22
	Lào Cai	14.1	<60	12.2	0	0	0.4	13.4	3.7	0.1	29.8	>67
	Yên Bái	21.9	<34	0	0	0.6	15.6	23.8	0.6	0	40.6	>52
	Tuyên Quang	14.7	<40	0	0	1.5	9.1	15.9	1	0	27.5	>51
	Hà Giang	116.2	>184	3.4	0	0	5.6	5.6	2.5	0	17.1	<25
	Cao Bằng	43.5	>121	0	0	0.8	18.5	4.6	0	0	23.9	>62
Lạng Sơn	44.3	>151	0	0	5.4	59.2	27.3	0	0	91.9	>472	
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Hòa Bình	94.6	>184	0	0	0.3	49.6	36	0.1	0	86	>265
	Bắc Giang	82.8	>348	0	0	0.5	42.6	34.4	0	0	77.5	>269
	Quảng Ninh	113.3	>404	0	0	4.9	32.6	19	0	0	56.5	>382
	Láng	137.9	>308	0	0	1.7	65.4	43.1	0	0	110.2	>302
	Thái Bình	164.8	>241	0	0	10.2	34.5	23.6	0	0	68.3	>117
	Nam Định	160.9	>210	0	0	1.1	68	42.3	0	0	111.4	>357
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	105.2	>105	0	0	3.6	36.6	22.7	0.2	0	63.1	>126
	Vinh	372.9	>146	1.2	0.1	12.8	131.6	70.5	0.9	22.8	239.9	>793
	Hà Tĩnh	231.5	>17	0.2	0.3	74.2	181.2	113.9	36.4	20.4	426.6	>593
Trung Trung Bộ	Huế	122.6	<46	0	5.3	147.5	23.6	70.9	38.8	21.9	308	>37
	Quảng Ngãi	46.1	<81	0	15.8	53.6	10.7	64.8	119.4	107	371.3	>94
Nam Trung Bộ	Nha Trang	52.1	<65	11.5	6.9	3.2	4	5	47.6	126.8	205	>59
Tây Nguyên	Kon Tum	141.2	>335	0.9	0.2	6.5	13.4	5.7	15.5	7.4	49.6	>66
	Buôn Mê Thuột	46.3	<1	19.6	0.2	4.7	15	3.8	29.3	51.2	123.8	>248
Nam Bộ	Biên Hòa	41	<43	25	2.1	1.5	2.2	7.2	7.9	15.8	61.7	>57
	Cần Thơ	74.5	<10	16.2	9.8	9	11.6	19.1	4.4	16.9	87	>81

Bảng 2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/11

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								Tổng	So sánh TBNN (%)
				01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11			
Đà	Hồ Hòa Bình	960	<7	56	52	43	56	56	65.0	65	397	<42	
Thao	Yên Bái	523	>7	34	29	27	25	29	25.0	20	189	<49	
Lô	Tuyên Quang	294	<27	27	29	30	28	26	24.0	22	185	<43	
Cầu	Gia Bảy	33.26	<7	3.1	2.98	2.68	3.28	4.84	6.0	3.97	26.8	>10	
Lục Nam	Chũ	11.75	<60	1.17	1.17	1.17	1.81	3.89	3.1	1.81	14.13	>24	
Hồng	Hà Nội	1560	>7	113	122	136	149	154	158.0	162	994	<8	
Mã	Cầm Thủy	357.8	> 35%	32.54	32.89	33.94	40.24	36.74	35.0	33.59	244.9	> 24	
Cả	Yên Thượng	342.9	< 48%	28.52	28.83	29.75	35.27	32.21	30.7	29.44	214.7	< 59	
La	Hòa Duyệt	171.8	< 15%	30.53	30.86	31.85	37.76	34.47	32.8	31.52	229.8	> 29	
Tả Trạch	Thượng Nhật	64.7	> 77	5.9	5.9	7	8.1	8.1	7.5	7	49.5	> 57	
Thu Bồn	Nông Sơn	454.9	< 32	40.2	37.9	44.9	44.9	52.3	54.9	52.3	327.4	< 52	
Trà Khúc	Sơn Giang	197.5	< 56	16	16	19.1	24.6	25.7	24.6	22.4	148.4	< 69	
Ba	Củng Sơn	48.3	<88	5.01	5.18	5.62	7.78	15.55	25.9	30.24	95.3	<86	
Cái N,T	Đồng Trăng	71.97	>22	7.34	7.78	8.21	9.5	12.1	13.0	13.82	71.71	>3	
ĐăkBlá	KonTum	13.81	< 90	1.25	1.24	1.3	1.52	1.34	1.9	1.73	10.3	< 90	
Srêpôk	Giang Sơn	112.2	< 5	7.26	7	6.83	7.43	8.38	9.7	10.71	57.3	< 47	
Tiền	Tân Châu			1508	1522	1560	1582	1566	1552	1530	10819	> 8	
Hậu	Châu Đốc			290	294	298	301	305	306	301	2227	~ TBNN	